

Bản tin **Pháp chế**

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM



Trong số này:	Trang
I. Quy định mới	2
 Những văn bản pháp lý ban hành trong tháng 02 năm 2019	
II. Điểm tin văn bản pháp luật	3
 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP về thực hiện quyền, trách nhiệm của Đại diện chủ sở hữu Nhà nước;  Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ;  Quyết định số 281/QĐ-BCT ban hành khung giá bán điện năm 2019;  Nghị định số 15/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật giáo dục nghề nghiệp;  Nghị quyết số 12/NQ-CP về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2020;  Nghị định số 20/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ.	
III. Ấn lệ	06
 Ấn lệ số 20/2018/AL về xác lập quan hệ hợp đồng lao động sau khi hết thời gian thử việc	
IV. Danh mục văn bản nội bộ	11

QUY ĐỊNH MỚI

1. Doanh nghiệp		4. Giáo dục
Nghị định số 10/2019/NĐ-CP về thực hiện quyền, trách nhiệm của Đại diện chủ sở hữu Nhà nước		Nghị định số 15/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp.
2. Kế toán - kiểm toán		5. Giao thông vận tải
Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ		Nghị quyết số 12/NQ-CP về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019-2021
3. Thương mại		6. Thuế - Phí - Lệ phí
Quyết định số 281/QĐ-BCT ban hành khung giá bán điện năm 2019		Nghị định số 20/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Doanh nghiệp

Ngày 30/1/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2019/NĐ-CP quy định việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Cụ thể, sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện các quyền, trách nhiệm về thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

- Quyết định thành lập doanh nghiệp, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Đề nghị cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định hồ sơ đề nghị đầu tư vốn và thực hiện cấp vốn cho doanh nghiệp;
- Ban hành điều lệ, bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó, Nghị định còn quy định về quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;...

Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.

Xem chi tiết văn bản tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-10-2019-ND-CP-thuc-hien-quyen-trach-nhiem-cua-co-quan-dai-dien-chu-so-huu-nha-nuoc-317214.aspx>

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ngày 22/01/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp.

Theo đó, công tác kiểm toán nội bộ đối với các doanh nghiệp được quy định như sau:

1. Các đơn vị sau đây phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ:

- a) Công ty niêm yết;
- b) Doanh nghiệp mà nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con;
- c) Doanh nghiệp nhà nước là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

2. Các doanh nghiệp không quy định tại khoản 1 Điều này được khuyến khích thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.

3. Các doanh nghiệp quy định tại Điều này có thể đi thuê tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động kiểm toán theo quy định của pháp luật để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ. Trường hợp doanh nghiệp đi thuê tổ chức kiểm toán độc lập để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ và các yêu cầu nhằm đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định này.

Việc đi thuê thực hiện kiểm toán nội bộ của các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

*** Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:**

- Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao kiểm toán nội bộ;

- Có thời gian làm việc theo chuyên ngành đào tạo từ 05 năm trở lên hoặc có từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc có từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra;

- Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;

- Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật...

Ngoài ra, Nghị định còn quy định cụ thể về phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ, kế hoạch kiểm toán nội bộ...



Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2019./.

Xem chi tiết văn bản tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Ke-toan-Kiem-toan/Nghi-dinh-05-2019-ND-CP-guy-dinh-ve-kiem-toan-noi-bo-315316.aspx>

Khung giá bán điện năm 2019

Ngày 12/02/2019, Bộ Công Thương đã ra Quyết định 281/QĐ-BCT ban hành khung giá phát điện năm 2019 áp dụng cho đàm phán giá hợp đồng mua bán điện của các nhà máy điện.

Theo đó, từ ngày 12/02/2019, mức trần của khung giá phát điện (chưa bao gồm thuế tài nguyên nước, tiền phí dịch vụ môi trường rừng, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và thuế giá trị gia tăng) áp dụng cho các nhà máy thủy điện là 1.110 đồng/kWh.

Mức trần khung giá phát điện (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí cảng biển và cơ sở hạ

tầng chung) áp dụng cho các nhà máy nhiệt điện than như sau:

- Nhà máy nhiệt điện than nhập khẩu có công suất tính 1x600 MW: 1.896,05 đồng/kWh;

- Nhà máy nhiệt điện than nhập khẩu có công suất tính 2x600 MW: 1.677,02 đồng/kWh.



Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem chi tiết văn bản tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Quyết-dinh-281-QĐ-BCT-2019-khung-gia-phat-dien-407011.aspx>

Nghị định hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp

Ngày 01/02/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật giáo dục nghề nghiệp

Theo đó, điều kiện để được thành lập trường cao đẳng nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định cụ thể tại Điều 9 của Nghị định này, đơn cử như:

- Có đề án thành lập phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam;

- Đã được cấp GCN đăng ký đầu tư (đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp GCN theo quy định);

- Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu là 20.000 m2 đối

với khu vực đô thị và 40.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị;

- Vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp tối thiểu là 100 tỷ đồng (không bao gồm giá trị về đất đai);

- Có dự kiến cụ thể về cơ cấu tổ chức; cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình, giáo trình đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định;...



Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/3/2019.

Xem chi tiết tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-15-2019-ND-CP-huong-dan-Luat-giao-duc-nghe-nghiep-323393.aspx>.

Tăng cường đảm bảo trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông

Ngày 19/02/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 12/NQ-CP về việc tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 – 2021.

Theo đó nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được đặt ra là:

- Bộ Giao thông Vận tải:

+ Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng giao thông đã được phê duyệt; khẩn

trương đưa tuyến đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông vào vận hành thương mại và chuyển giao để Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý;

+ Xử lý dứt điểm các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên quốc lộ vào năm 2020; đưa ra lộ trình cụ thể để xóa bỏ các lối đi tự mở qua đường sắt vào năm 2025, giảm tối thiểu 30% lối đi tự mở vào năm 2021;

- Bộ Y tế: Lập đề án tăng cường năng lực hoạt động cấp cứu tai nạn giao thông cho hệ thống cấp cứu 115 và Bệnh viện đa khoa cấp huyện trên toàn quốc, đảm bảo khả năng tiếp cận nạn nhân trong thời gian dưới 30 phút sau khi nhận thông tin yêu cầu cấp cứu...



Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 19/02/2019./.

Xem chi tiết tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-quyet-12-NQ-CP-2019-tang-cuong-trat-tu-an-toan-giao-thong-chong-un-tac-407164.aspx>

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ

Ngày 21/02/2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ.

Theo đó, bổ sung quy định về giá tính lệ phí trước bạ (LPTB) đối với trường hợp hợp thuê đất của

Nhà nước trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, cụ thể:

Khi thời hạn thuê nhỏ hơn thời hạn của loại đất được quy định tại Bảng giá đất thì giá đất của thời hạn thuê đất tính LPTB được xác định theo công thức sau:

Giá đất của thời hạn thuê đất tính LPTB = Giá đất tại Bảng giá đất/70 năm X thời hạn thuê đất

Bên cạnh đó, thành phần hồ sơ khai LPTB đối với đất cũng yêu cầu phải nộp bản chính, bản sao hợp lệ các giấy tờ sau:

- Bản chính Tờ khai LPTB theo mẫu;

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh tài sản (hoặc chủ tài sản) thuộc diện miễn LPTB (nếu có), trừ trường hợp đã nộp bản chính theo quy định;

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của nhà, đất; giấy tờ hợp pháp về chuyển giao tài sản ký kết giữa bên giao tài sản và bên nhận tài sản.

Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2019.

Xem chi tiết tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Nghi-dinh-20-2019-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-140-2016-ND-CP-ve-le-phi-truoc-ba-392823.aspx>.



Án lệ số 20/2018/AL về xác lập quan hệ hợp đồng lao động sau khi hết thời gian thử việc

Án lệ số 20/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 01/2017/LĐ-GĐT ngày 09-8-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án lao động “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” tại tỉnh

Bình Thuận giữa nguyên đơn là ông Trần Công T với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn L (đại diện theo pháp luật là ông H).

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 2, 3 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Người sử dụng lao động có thư mời làm việc với nội dung xác định loại hợp đồng lao động và thời gian thử việc. Người lao động đã thử việc theo đúng thời gian thử việc trong thư mời làm việc.

Hết thời gian thử việc, người lao động vẫn tiếp tục làm việc mà người sử dụng lao động và người lao động không có thoả thuận nào khác.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, phải xác định người lao động và người sử dụng lao động đã xác lập quan hệ hợp đồng lao động.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 của Bộ luật Lao động năm 2012.

Từ khóa của án lệ:

“Thử việc”; “Thời gian thử việc”; “Thư mời làm việc”; “Không ký hợp đồng lao động khi hết thời gian thử việc”; “Hợp đồng lao động”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Công T làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn L - Siêu thị L - Chi nhánh B từ ngày

09-9-2013 theo Thư mời làm việc ngày 20-8-2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn L. Theo nội dung thư mời làm việc, ông T làm việc với vị trí Trưởng bộ phận phi thực phẩm, loại hợp đồng lao động: Xác định thời hạn (12 tháng hoặc hơn), thời gian thử việc: 02 tháng, tổng lương gộp trong thời gian thử việc: 15.300.000 VNĐ, mức lương chính hàng tháng: 12.600.000 VNĐ, phụ cấp hàng tháng là 5.400.000 VNĐ.

Ông T bắt đầu làm việc từ ngày 09-9-2013. Hết thời gian thử việc 02 tháng (từ ngày 09-9-2013 đến ngày 09-11-2013), ông T vẫn tiếp tục làm việc. Ngày 19-12-2013, ông T nghỉ việc. Ngày 28-12-2013, Phòng Nhân sự Công ty trách nhiệm hữu hạn L có giấy mời ông T đến Công ty họp và lập “Biên bản thỏa thuận V/v: Kết thúc hợp đồng lao động trước thời hạn”. Ông T ghi ý kiến vào biên bản nội dung: Không đồng ý việc giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 29-12-2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn L ra Quyết định số 15/QĐKL- 2013 với nội dung đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Trần Công T, với lý do: Thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng; thời hạn chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 28-12-2013. Ngày 06-01-2014, ông T nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nói trên.

Ngày 24-02-2014, ông Trần Công T có đơn khởi kiện về việc bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, với các yêu cầu:

1. Hủy Quyết định số 15/QĐKL-2013 ngày 29-12-2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn L về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông.

2. Yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải thanh toán các khoản tiền sau:

- Tiền vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày, số tiền 27.000.000 đồng.

- Bồi thường 02 tháng lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 36.000.000 đồng, Công ty đã chi trả 19.466.000 đồng, nay Công ty còn phải trả 16.534.000 đồng.

- Trả tiền công làm thêm giờ trong 45 ngày, số tiền 48.150.000 đồng.

- Trả tiền công của những ngày đã làm việc chưa được nghỉ phép năm là 11 ngày, số tiền là 6.600.000 đồng.

- Thanh toán tiền công những ngày đã làm việc nhưng chưa được nghỉ bù là 11 ngày, số tiền là 6.600.000 đồng.

- Thanh toán tiền lương còn thiếu của tháng 11 và tháng 12, theo mức lương 18.000.000 đồng/tháng, số tiền 5.400.000 đồng.

- Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tổng cộng là 24.696.000 đồng.

- Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 42 Bộ luật Lao động, tính từ tháng 01-2014 đến ngày xét xử, mỗi tháng 18.000.000 đồng. Tạm tính là 07 tháng, số tiền là 126.000.000 đồng.

- Bồi thường tổn thất tinh thần do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn L cho rằng: Lý do Công ty trách nhiệm hữu hạn L chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T là do ông T thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng; cụ thể là: Sau thời gian thử việc 02 tháng, theo Bản kế hoạch và đánh giá thành tích ngày 10-11-2013, nhận thấy ông T chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc với nhiệm vụ là Trưởng bộ phận ngành phi thực phẩm nên Giám đốc siêu thị L- Chi nhánh B đã quyết định cho ông T thử việc thêm 01 tháng để tạo điều kiện cho ông T hoàn thành nhiệm vụ và để có thêm thời gian đánh giá năng lực của ông T. Việc kéo dài thời gian thử việc vì lý do: Đến ngày 05-12-2013, Siêu thị L - Chi nhánh B mới chính thức khai trương. Tuy nhiên, qua thời gian thử việc thêm 01 tháng, ngày 12-12-2013, Trưởng bộ phận giám sát bán hàng Siêu thị L - chi nhánh B đánh giá ông T không đạt yêu cầu, đề nghị có kế hoạch thay ông T.

Ngày 24-12-2013, tại Biên bản cuộc họp số 10 về việc họp đánh giá hiệu quả công việc ngành hàng phi thực phẩm do ông T phụ trách, Giám đốc Siêu thị L - Chi nhánh B đã: “*Đề xuất Ban Giám đốc thay thế ông T bằng một người có kinh nghiệm trong việc quản lý ngành hàng phi thực phẩm*”.

Ngày 28-12-2013, Công ty có thư mời ông T đến tham dự cuộc họp bàn về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Tại Biên bản họp về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn, Công ty đánh giá ông T như sau: “*Xét quá trình làm việc của ông T từ ngày 9-9-2013 – 19-12-2013 (kể cả thời gian thử việc*

02 tháng), Công ty đánh giá ông T không phù hợp với vị trí công việc hiện đang làm (kèm bảng đánh giá của Giám đốc Siêu thị L - Chi nhánh B), nay Công ty thỏa thuận chấm dứt hợp đồng và thực hiện việc thanh toán ngày công, ngày nghỉ nếu có và bồi thường 01 tháng tiền lương cho thời gian báo trước”, ông T không đồng ý với đánh giá của Công ty.

Cùng ngày 28-12-2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn L lập biên bản thỏa thuận về việc kết thúc hợp đồng lao động trước thời hạn đối với ông T. Công ty thông báo ông T sẽ chấm dứt làm việc tại Công ty bắt đầu kể từ ngày 28-12-2013; Công ty sẽ thanh toán tất cả các khoản lương, tiền phép và chi trả 01 tháng lương thay cho thời gian báo trước. Ông T không đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

Phía công ty cho rằng quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T là đúng quy định của Bộ luật Lao động. Công ty đã chi trả cho ông T 01 tháng lương cho thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T, Công ty đồng ý trả cho ông T tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà Công ty phải đóng trong 02 tháng (sau khi hết thời gian thử việc), với số tiền là 5.292.000 đồng và 11 ngày ông T làm việc chưa được nghỉ bù là 6.600.000 đồng. Các yêu cầu bồi thường khác của ông T, Công ty không đồng ý.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2014/LĐ-ST ngày 12-8-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Trần Công T đối với yêu cầu hủy quyết định số 15/QĐKL-2013 ngày 29-12-2013 của Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn L, về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Trần Công T đối với yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải bồi thường và thanh toán các khoản tiền lương; tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian ông T không được làm việc tại Siêu thị L - Chi nhánh B.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn L về việc: Công ty trách nhiệm hữu hạn L chi trả và hỗ trợ cho ông T khoản tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp trong 02

tháng (tháng 11 và tháng 12), với số tiền là 5.292.000 đồng; khoản tiền của 11 ngày ông T làm việc chưa được nghỉ bù là 6.600.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản trên, Công ty trách nhiệm hữu hạn L phải chi trả cho ông T với số tiền là: 11.892.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26-8-2014, ông Trần Công T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án lao động phúc thẩm số 01/2015/LĐ-PT ngày 13-4-2015, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 07-4-2016, ông Trần Công T có đơn đề nghị xem xét lại Bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 04/2016/KN-LĐ ngày 26-12-2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án lao động phúc thẩm số 01/2015/LĐ-PT ngày 13-4-2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án lao động phúc thẩm số 01/2015/LĐPT ngày 13-4-2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án lao động sơ thẩm số 01/2014/LĐ-ST ngày 12-8-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Theo quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động giữa nguyên đơn là ông Trần Công T với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn L thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Tòa án nhân dân tỉnh Bình

Thuận thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

Về xác định quan hệ lao động:

[2] Ông Trần Công T vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn L theo Thư mời nhận việc ngày 20-8-2013 với nội dung: “Loại hợp đồng lao động: Xác định thời hạn (12 tháng hoặc hơn). Thời gian thử việc: 02 tháng. Hết thời gian thử việc (từ ngày 09-9-2013 đến ngày 09-11-2013), ông T không nhận được thông báo kết quả thử việc nhưng vẫn tiếp tục làm việc. Công ty trách nhiệm hữu hạn L cho rằng sau 02 tháng thử việc, ông T không đáp ứng được yêu cầu của công việc, nên Công ty đã quyết định cho ông T thử việc thêm 01 tháng để tạo điều kiện cho ông T hoàn thành nhiệm vụ và để có thêm thời gian đánh giá năng lực của ông T. Tuy nhiên, không có tài liệu nào thể hiện giữa ông T và Công ty trách nhiệm hữu hạn L đã có thỏa thuận với nhau về việc kéo dài thời gian thử việc.

[3] Khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động quy định thời gian thử việc “*Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên*”. Tại Bản tự khai ngày 14-6-2014, đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn L trình bày: “*Công ty hiểu rõ rằng, sau khi kết thúc thời gian thử việc (60 ngày) nếu chưa ký HĐLĐ thì người lao động được làm việc chính thức theo loại hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng*”. Như vậy, đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn L thừa nhận rằng sau khi hết thời gian thử việc, ông T đã trở thành người lao động chính thức theo hợp đồng lao động có thời hạn là 12 tháng. Trên thực tế, Công ty trách nhiệm hữu hạn L đã thương lượng với ông T về việc chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 28-12-2013; khi thương lượng không có kết quả, ngày 29-12-2013 Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn L ra Quyết định số 15/QĐKL-2013 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ giữa ông T với Công ty trách nhiệm hữu hạn L sau khi hết thời gian thử việc là quan hệ hợp đồng lao động.

Về tính hợp pháp của việc chấm dứt hợp đồng lao động:

[4] Công ty trách nhiệm hữu hạn L đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Trần

Công T ngày 29-12-2013; lý do chấm dứt hợp đồng lao động là “*Thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động*”, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012. Tại thời điểm Công ty trách nhiệm hữu hạn L đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T, pháp luật lao động không có quy định nào được áp dụng làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

[5] Trước khi Bộ luật Lao động năm 2012 có hiệu lực, căn cứ để xác định người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09-5-2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động, như sau:

“1. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động là không hoàn thành định mức lao động hoặc nhiệm vụ được giao do yếu tố chủ quan và bị lập biên bản hoặc nhắc nhở bằng văn bản ít nhất hai lần trong một tháng, mà sau đó vẫn không khắc phục.

Mức độ không hoàn thành công việc được ghi trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động của đơn vị.”

Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09-5-2003 của Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-7-2013. Tuy nhiên, quy định tại khoản 1 Điều 12 nêu trên không trái với các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Lao động nên được áp dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

[6] Công ty trách nhiệm hữu hạn L xuất trình bản Mô tả công việc, Thông báo nhắc nhở vi phạm ngày 06-12-2013 và Thông báo nhắc nhở vi phạm ngày 16-12-2013, Bảng kế hoạch và đánh giá thành tích ngày 12-12-2013 và căn cứ vào các tài liệu này để cho rằng ông T không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động. Ông T cho rằng ông không được giao bản mô tả công việc, không nhận được 02 thông báo nhắc nhở của Công ty. Phía Công ty trách nhiệm hữu hạn L không cung cấp được chứng cứ chứng minh là ông T đã được Công ty giao bản mô tả công việc và thư nhắc nhở vi phạm. Như vậy, chứng cứ do Công ty trách nhiệm hữu hạn L cung cấp chưa đủ cơ sở để xác định ông Trần Công T thường xuyên không hoàn

thành công việc theo hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2003/ND-CP ngày 09-5-2003 của Chính phủ.

[7] Sau khi hết thời gian thử việc, Công ty trách nhiệm hữu hạn L chưa ký kết hợp đồng lao động với ông Trần Công T; Công ty cũng chưa có thỏa ước lao động tập thể, chưa có nội quy lao động. Do đó, không có căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm kết luận ông Trần Công T thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343, khoản 1, khoản 2 Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2016/KN-LĐ ngày 26-12-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; huỷ toàn bộ Bản án lao động phúc thẩm số 01/2015/LĐ-PT ngày 13-4-2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án lao động sơ thẩm số 01/2014/LĐ-ST ngày 12-8-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận về vụ án tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động giữa nguyên đơn là ông Trần Công T và bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[2] Ông Trần Công T vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn L theo Thư mời nhận việc ngày 20-8-2013 với nội dung: “Loại hợp đồng lao động: Xác định thời hạn (12 tháng hoặc hơn). Thời gian thử việc:

02 tháng. Hết thời gian thử việc (từ ngày 09-9-2013 đến ngày 09-11-2013), ông T không nhận được thông báo kết quả thử việc nhưng vẫn tiếp tục làm việc. Công ty trách nhiệm hữu hạn L cho rằng sau 02 tháng thử việc, ông T không đáp ứng được yêu cầu của công việc, nên Công ty đã quyết định cho ông T thử việc thêm 01 tháng để tạo điều kiện cho ông T hoàn thành nhiệm vụ và để có thêm thời gian đánh giá năng lực của ông T. Tuy nhiên, không có tài liệu nào thể hiện giữa ông T và Công ty trách nhiệm hữu hạn L đã có thỏa thuận với nhau về việc kéo dài thời gian thử việc.

[3] Khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động quy định thời gian thử việc “Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên”. Tại Bản tự khai ngày 14-6-2014, đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn L trình bày: “Công ty hiểu rõ rằng, sau khi kết thúc thời gian thử việc (60 ngày) nếu chưa ký HĐLĐ thì người lao động được làm việc chính thức theo loại hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng”. Như vậy, đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn L thừa nhận rằng sau khi hết thời gian thử việc, ông T đã trở thành người lao động chính thức theo hợp đồng lao động có thời hạn là 12 tháng. Trên thực tế, Công ty trách nhiệm hữu hạn L đã thương lượng với ông T về việc chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 28-12-2013; khi thương lượng không có kết quả, ngày 29-12-2013 Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn L ra Quyết định số 15/QĐKL-2013 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ giữa ông T với Công ty trách nhiệm hữu hạn L sau khi hết thời gian thử việc là quan hệ hợp đồng lao động.”

← →

Ký hiệu văn bản	Ngày/tháng ban hành	Tên loại và trích yếu nội dung	Hiệu lực văn bản
60/QĐ-DVKT	09/03/2018	Quy định quản lý nhà thầu phụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
729/QĐ-HĐQT-DVKT	22/11/2017	Quy chế Người đại diện của PVPS tại các doanh nghiệp khác	Hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế QĐ
43/QĐ-HĐQT.PVPS	08/09/2010	Quy chế quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
240/QĐ-HĐQT	09/12/2014	Quy chế thực hiện dân chủ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
140/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế Hội nghị người lao động Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
141/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
165/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định tiêu chuẩn bậc an toàn chung, bậc an toàn điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
166/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
167/QĐ-DVKT	20/03/2015	Các nguyên tắc an toàn cơ bản của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
168/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy trình quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp	Hiệu lực kể từ ngày ký
171/QĐ-DVKT	20/03/2015	Phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
172/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định phân công trách nhiệm trong công tác an toàn – vệ sinh lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
173/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009	Hiệu lực kể từ ngày ký
174/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định quản lý nhà thầu phụ trong công tác An toàn lao động và vệ sinh môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
175/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	Hiệu lực kể từ ngày ký

220/QĐ-DVKT	08/04/2015	Quy định thi an toàn, giữ bậc, nâng bậc và xét nâng lương	Hiệu lực kể từ ngày ký
731/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
732/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định phân định trách nhiệm trong công tác An toàn vệ sinh lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
766/QĐ-DVKT	05/06/2015	Quy định quản lý hợp đồng kinh tế	Hiệu lực kể từ ngày ký
811/QĐ-DVKT	17/07/2015	Quy trình quản lý kỹ thuật	Hiệu lực kể từ ngày ký
814/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định trực xử lý sự cố Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
815/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định đào tạo tay nghề tại chỗ	Hiệu lực kể từ ngày ký
816/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định nghiệm thu nội bộ thiết bị sau bảo dưỡng – sửa chữa của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
177/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý (chuyên trách) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
178/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế trả lương sửa đổi cho CBCNV công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
807/QĐ-DVKT	26/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và bảo dưỡng palăng xích của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
832/QĐ-DVKT	30/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa tời điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
837/QĐ-DVKT	03/08/2015	Quy định thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật	Hiệu lực kể từ ngày ký
1160/QĐ-DVKT	16/11/2015	Thỏa ước lao động tập thể	Hiệu lực kể từ ngày ký
1161/QĐ-DVKT	16/11/2015	Nội quy lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
1180/QĐ-DVKT	26/11/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
1215/QĐ-DVKT	16/12/2015	Quy định về công tác quản lý văn bản của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký

1245/QĐ-DVKT	29/12/2015	Quy định quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
1285/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình tổ chức sáng kiến	Hiệu lực kể từ ngày ký
1287/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình lập, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chế độ báo cáo của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
23/QĐ-HĐQT-DVKT	15/01/2016	Quy trình quản lý vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
31/QĐ-DVKT	19/01/2016	Quy trình nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
69/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn hóa chất	Hiệu lực kể từ ngày ký
70/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
71/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn khi hàn điện-hàn hơi.	Hiệu lực kể từ ngày ký
72/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao	Hiệu lực kể từ ngày ký
73/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực	Hiệu lực kể từ ngày ký
74/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	Hiệu lực kể từ ngày ký
75/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
30/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đấu thầu của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
32/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
45/QĐ/HĐQT-DVKT	03/03/2016	Quy chế thi đua, Khen thưởng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
164/QĐ-DVKT	18/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch Ứng cứu tình huống khẩn cấp.	Hiệu lực kể từ ngày ký

172/QĐ-DVKT	23/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn làm việc trong điều kiện có khí Hydro của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
187/QĐ-DVKT	30/03/2016	Quy định về quản lý công nợ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
106/QĐ/HĐQT-DVKT	05/04/2016	Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
126/QĐ/HĐQT-DVKT	22/04/2016	Quy chế chi tiêu nội bộ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
330/QĐ-DVKT	09/06/2016	Quy định công tác quản lý công cụ dụng cụ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ/HĐQT-DVKT	10/06/2016	Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
367/QĐ-DVKT	22/06/2016	Quy định công tác phối hợp giữa các phòng/đơn vị	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
390/QĐ-DVKT	30/06/2016	Quy định tổ chức và quản lý hoạt động của Website Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
709/QĐ-DVKT	22/09/2016	Hướng dẫn làm việc an toàn trong không gian hạn chế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
740/QĐ-DVKT	10/10/2016	Quy định quản lý chấm công lao động tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
760/QĐ-DVKT	24/10/2016	Quy định chức năng nhiệm vụ Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
804/QĐ-DVKT	08/11/2016	Quy định tiêu chuẩn công nhân kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
324/QĐ/HĐQT-DVKT	06/12/2016	Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
877/QĐ-DVKT	12/12/2016	Quy định lập báo cáo thực hiện các chỉ đạo của HĐQT Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
329/QĐ/HĐQT-DVKT	14/12/2016	Quy chế thưởng an toàn Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
881/QĐ-DVKT	15/12/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
885/QĐ-DVKT	21/12/2016	Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

154/QĐ-DVKT	28/4/2017	Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá tập thể và CBCNV Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
189/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Sổ tay chất lượng và môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
190/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát tài liệu	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
191/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát hồ sơ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
192/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình đánh giá nội bộ (QT-03)	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
193/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Xử lý sự không phù hợp và hành động khắc phục	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
194/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tuyển dụng, tiếp nhận, thử việc	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
195/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức đào tạo	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
196/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý cơ sở hạ tầng, thiết bị văn phòng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
197/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc ban hành và áp dụng Quy trình Xác định và quản lý rủi ro chất lượng – an toàn – môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
198/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
199/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức triển khai và nghiệm thu sửa chữa Đại tu, Trung tu, Tiểu tu Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
200/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tổ chức sáng kiến cải tiến kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
201/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tiếp nhận và xử lý phản hồi, khiếu nại của Khách hàng/các bên hữu quan	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
202/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình rao đổi thông tin liên lạc	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
203/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tiếp cận, tuân thủ, giám sát các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
204/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
205/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
206/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

207/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
208/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định về sinh môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
209/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định quản lý và sử dụng điện, gas	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
210/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định an toàn trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
211/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định kiểm tra công tác an toàn sức khỏe môi trường tại các Chi nhánh	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
212/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định về hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
336/QĐ-DVKT	01/8/2017	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quy trình ứng cứu tình huống khẩn cấp QT-MT.03	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
239/QĐ/HĐQT-DVKT	07/9/2017	Quyết định phê duyệt ban hành Quy chế đào tạo	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
264/QĐ/HĐQT-DVKT	30/10/2017	Quyết định phê duyệt Quy chế về tiêu chuẩn chức danh và chính sách cho cán bộ công nhân viên kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
264/QĐ/HĐQT-DVKT	30/10/2017	Quyết định phê duyệt Quy chế tuyển dụng, quản lý và sử dụng lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
169/QĐ-DVKT	14/6/2018	Quy trình giám sát và đo lường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
171/QĐ-DVKT	14/6/2018	Quy trình điều tra, báo cáo sự cố, tai nạn an toàn sức khỏe môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
157/QĐ/HĐQT-DVKT	02/8/2018	Quy chế phát triển kinh doanh dịch vụ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
168/QĐ/DVKT-HĐQT	13/8/2018	Quyết định về việc “Sửa đổi Mục 12-Quy chế lương tại Quyết định số 49/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 17/02/2017”	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
287/QĐ-DVKT	10/9/2018	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Quy trình Quản lý vật tư tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
174/QĐ/DVKT-HĐQT	05/9/2018	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành quy chế thưởng an toàn Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
318/QĐ-DVKT	18/10/2018	Quyết định sửa đổi và áp dụng bộ câu hỏi và đáp án thi an toàn điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

* Văn bản do các phòng chức năng Công ty chủ trì soạn thảo, quản lý.

Biên soạn : Nguyễn Thị Thu Huyền
Kiểm duyệt : Đỗ Xuân Trường
Email : pth@pvps.vn/huyenntt@pvps.vn
Điện thoại : 024.37878186 (ext: 213)
Fax : 024.37878185